|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**LUẬT GIÁ CỦA QUỐC HỘI HIỆN HÀNH VỚI LUẬT GIÁ SỐ 16/2023/QH15**

| **STT** | **LUẬT GIÁ SỐ 16/2023/QH15** | **DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  **MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁ** |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá, thẩm định giá; kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá. |
| 2 | **Điều 12**  6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 12**  6. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. |
| 3 | **Điều 14**  13. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thanh tra. | **Điều 14**  Bãi bỏ khoản 13 |
| 4 | **Điều 14**  14. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. | **Điều 14**  14. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá |
| 5 | **Điều 15**  11. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá | **Điều 15**  11. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá |
| 6 | **Điều 16**  10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. | **Điều 16**  10. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá |
| 7 | **Điểm b, Khoản 2, Điều 20**  b) Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương, sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường | **Điểm b, Khoản 2, Điều 20**  b) Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương, sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường |
| 8 | **Điều 44**  2. Người tham dự kỳ thi cấp thẻ thẩm định viên về giá phải có đủ các điều kiện sau đây:  a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;  c) Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá phù hợp với lĩnh vực chuyên môn dự thi do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá. | **Điều 44**  Bãi bỏ điểm a khoản 2 |
| 9 | **Điều 45**  1. Người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  b) Có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động đang còn hiệu lực với doanh nghiệp mà người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá, trừ trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;  c) Có tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá với trình độ đại học trở lên từ đủ 36 tháng. Trường hợp làm việc với trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng theo quy định của pháp luật thì tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ đủ 24 tháng;  d) Đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;  đ) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này. | **Điều 45**  Bãi bỏ điểm a khoản 1 |
| 10 | **Điều 48**  1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký ngành, nghề kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này | **Điều 48**  1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này |
| 11 | **Điểm b, Khoản 1, Điều 49**  b)Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật này; đồng thời doanh nghiệp phải có ít nhất 02 thành viên góp vốn hoặc 02 cổ đông phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp.  Trường hợp thành viên góp vốn hoặc cổ đông là tổ chức thì người đại diện theo ủy quyền của của tổ chức góp vốn phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp; tổng phần vốn góp của các thành viên là tổ chức không quá 35% vốn điều lệ. Tổng số vốn góp của các thành viên hoặc cổ đông là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp. | **Điểm b, Khoản 1, Điều 49**  b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật này; đồng thời doanh nghiệp phải có ít nhất 02 thành viên góp vốn hoặc 02 cổ đông phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp. Tổng số vốn góp của các thành viên hoặc cổ đông có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.  Trường hợp thành viên góp vốn hoặc cổ đông là tổ chức thì tổng phần vốn góp của các thành viên tổ chức không quá 35% vốn điều lệ |
| 12 | **Chương VII**  **THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ** | **Chương VII**  **KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ** |
| 13 | **Điều 67. Mục đích của thanh tra, kiểm tra**  1. Mục đích của thanh tra về giá, thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.  2. Mục đích của kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhằm góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đem lại tác động tích cực trong công tác quản lý điều hành giá, thẩm định giá; nắm bắt tồn tại, hạn chế để nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá; phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 67. Mục đích, nguyên tắc kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá**  1. Mục đích kiểm tra chuyên ngành về giá nhằm góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; nắm bắt tồn tại, hạn chế để nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá; phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.  2. Công tác kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:  a) Thực hiện theo kế hoạch, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm;  b) Không trùng lặp về phạm vi, thời gian với hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị;  c) Khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;  d) Không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra. |
| 14 | **Điều 68. Nguyên tắc thanh tra, kiểm tra**  1. Công tác thanh tra phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quy định tại pháp luật về thanh tra.  2. Công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:  a) Thực hiện theo kế hoạch, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm;  b) Không trùng lặp về phạm vi, thời gian với hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị;  c) Khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;  d) Hạn chế cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng được kiểm tra. | **Điều 68. Phạm vi và đối tượng kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá**  1. Phạm vi kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá:  a) Kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về các biện pháp quản lý, điều tiết giá được quy định tại chương IV của Luật này và các pháp luật khác;  b) Kiểm tra việc chấp hành các chính sách, pháp luật về thẩm định giá được quy định tại Luật này;  2. Đối tượng kiểm tra  a) Cơ quan Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá;  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;  c) Các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của hoạt động quản lý, điều tiết giá. |
| 15 | **Điều 69. Thời hạn thanh tra, kiểm tra**  1. Thời hạn thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.  2. Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 10 ngày và được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 10 ngày. Biên bản kiểm tra phải được lập trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. | **Điều 69. Thời hạn kiểm tra**  1. Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 10 ngày và được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 10 ngày.  2. Biên bản kiểm tra phải được lập trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. |
| 16 | **Điều 70. Trách nhiệm thanh tra, kiểm tra**  1. Cơ quan thanh tra tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá theo quy định của pháp luật về thanh tra.  2. Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá, giao nhiệm vụ kiểm tra cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc.  Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 70. Trách nhiệm kiểm tra**  1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm kiểm tra chuyên ngành về giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. Bộ, cơ quan ngang Bộ được ủy quyền hoặc phân cấp nhiệm vụ kiểm tra cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc.  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kiểm tra chuyên ngành về giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền hoặc phân cấp nhiệm vụ kiểm tra theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
| 17 | **Điều 71. Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra và trách nhiệm xử lý**  1. Báo cáo kết quả thanh tra và trách nhiệm xử lý kết quả thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.  2. Báo cáo kết quả kiểm tra phải nêu rõ kết quả công việc kiểm tra; đề xuất những nội dung kiến nghị xử lý về kinh tế, hành chính, pháp luật (nếu có) với đối tượng kiểm tra; đề xuất kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật (nếu có); kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra, kiến nghị, quyết định xử lý về kiểm tra (nếu có). | **Điều 71. Trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá**  1. Việc kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá do Đoàn kiểm tra được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành lập.  2. Trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá phải đảm bảo công khai, minh bạch, quy định rõ quyền và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, Đoàn kiểm tra và đối tượng kiểm tra.  3. Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá |
| 18 | **Điều 72. Xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá**  1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này, ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này còn bị đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng.  3. Chính phủ quy định chi tiết về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, việc đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng. | **Điều 72. Xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá**  1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này còn bị đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng.  3. Chính phủ quy định chi tiết về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; việc đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng. |
| 19 | Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV sửa đổi bổ sung tên gọi của các Bộ, cụ thể như Bộ Giao thông vận tải thành Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành Bộ Nội vụ; Bộ Thông tin và Truyền thông thành Bộ Khoa học và Công nghệ. | |
| 20 | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 2 | Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống cho sản xuất điện | Bộ Công Thương định giá cụ thể | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 2 | Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | |
| 21 | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 17 | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở trung ương | - Bộ Tài chính định giá tối đa  - Các cơ quan, tổ chức ở trung ương định giá cụ thể | | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 17 | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành (không bao gồm dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt), sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở trung ương | - Bộ Tài chính định giá tối đa  - Các cơ quan, tổ chức ở trung ương định giá cụ thể | | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | |
| 22 | Không quy định | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 43 | Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế sử dụng ngân sách nhà nước | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | |